

UBND XÃ TUẦN GIÁO
TRƯỜNG THCS TUẦN GIÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/BC-THCS

Tuần Giáo, ngày 14 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT

Thực hiện Quyết định số 23/QĐ-SGDĐT ngày 10/01/2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên về kiểm tra việc thực hiện công khai của các cơ sở giáo dục theo quy định tại Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT, trường THCS Tuần Giáo báo cáo kết quả thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT như sau:

1. Việc ban hành và tổ chức thực hiện quy định về công khai

- Việc ban hành văn bản nội bộ: Nhà trường đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT phù hợp với điều kiện thực tế tại nhà trường, báo cáo thường niên theo quy định.

- Quyết định/Thông báo của cơ sở giáo dục về thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT: Quyết định số 80/QĐ-THCS ngày 10/01/2025 của trường THCS Tuần Giáo về công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách sự nghiệp giáo dục năm 2025 của trường THCS Tuần Giáo; Thông báo số 03/TB-THCS ngày 03/11/2025 về kết quả kiểm tra nội bộ trường học tháng 10 năm học 2025-2026; Báo cáo thường niên năm 2025.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho cá nhân/bộ phận phụ trách công khai thông tin: Quyết định số 64/QĐ-THCS ngày 10/11/2025 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Quy định công khai trong cơ sở giáo dục theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT năm học 2025-2026, phân công nhiệm vụ.

- Kế hoạch thực hiện công khai hằng năm của cơ sở giáo dục: Kế hoạch số 06/KH-THCS ngày 28/8/2025 của trường THCS Tuần Giáo về thực hiện Quy định công khai trong cơ sở giáo dục theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT năm học 2025-2026.

- Trách nhiệm của người đứng đầu: Hiệu trưởng chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định.

Thực hiện đánh giá công tác công khai và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công khai trong việc thực hiện tổng kết, đánh giá công tác năm học và phương hướng, nhiệm vụ năm học tiếp theo.

Báo cáo về công tác công khai khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) nhà trường theo chương trình GDPT 2018 do Bộ GD&ĐT ban hành.

Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT. Thực

hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, tài sản, thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Vai trò chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc công khai thông tin: Ban hành quyết định kiểm tra nội bộ, chỉ đạo chỉ đạo thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT; kiểm tra, giám sát công tác công khai của nhà trường.

- Việc tổ chức rà soát, cập nhật, điều chỉnh nội dung công khai khi có thay đổi: Đã kịp thời cập nhật, điều chỉnh nội dung công khai khi có thay đổi phù hợp với tình hình thực tế.

2. Kiểm tra nội dung công khai thông tin chung theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT

a) Công khai thông tin về cơ sở giáo dục

- Tên cơ sở giáo dục; địa chỉ; số điện thoại; email; website:

Tên cơ sở giáo dục: Trường Trung học cơ sở Tuần Giáo

Địa chỉ: Bản Chiềng Khoang; xã Tuần Giáo; tỉnh Điện Biên.

Số điện thoại: 0979. 168. 965

Website: <https://thcstuangiao.tuangiao.gov.vn/>

Email: thcsthitrantg.tg@dienbien.edu.vn

- Quyết định thành lập/cho phép thành lập: Trường THCS Thị Trấn Tuần Giáo được thành lập ngày 19 tháng 8 năm 1991, theo Quyết định số 203/QĐ-UBND, ngày 19/8/1991 của Ủy ban nhân dân huyện Tuần Giáo - tỉnh Lai Châu. Được đổi tên gọi thành Trường trung học cơ sở Tuần Giáo theo Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 31/8/2025 của Chủ tịch UBND xã Tuần Giáo về việc đổi tên Trường trung học cơ sở thị trấn Tuần Giáo thành trường trung học cơ sở Tuần Giáo.

Loại hình: Trường THCS công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân xã Tuần Giáo

- Sứ mạng, mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng phát triển:

Tầm nhìn:

Là một trong những trường THCS trên địa bàn xã Tuần Giáo mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên.

Sứ mệnh: Xây dựng môi trường học tập có nền nếp, kỷ luật, trách nhiệm, văn minh và chất lượng tốt để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tự duy sáng tạo.

Hệ thống giá trị cơ bản: Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nền nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

Mục tiêu chung: Nhà trường phấn đấu trở thành trường có chất lượng cao về giáo dục trong xã, tỉnh. Đào tạo ra những con người khỏe mạnh về thể chất, phát triển về trí tuệ, đáp ứng được xu hướng phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (CT GDPT 2018) đối với đối với các khối lớp theo quy định tại Thông tư Bộ GDĐT về CT GDPT 2018 số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018. Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể thực hiện đổi mới Chương trình, SGK GDPT tỉnh Điện Biên và các kế hoạch, đề án liên quan. Báo cáo số 372-BC/TU ngày 26/6/2023 của Tỉnh ủy Điện Biên Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Công văn số 2457/BGDĐT-GDTrH, ngày 27/5/2024 của Bộ GDĐT về việc thông báo kết quả đánh giá giữa kỳ việc triển khai thực hiện CT GDPT 2018, bảo đảm hoàn thành chương trình năm học và tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục trung học.

- Thực hiện, áp dụng hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; đa dạng hóa hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp phát triển các kỹ năng cho học sinh; thúc đẩy và nâng cao chất lượng giáo dục STEM. Nâng cao hiệu quả bồi dưỡng học sinh giỏi các cấp.

- Tiếp tục rà soát, lớp học, số lượng học sinh/lớp, đội ngũ nhà giáo và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học bảo đảm yêu cầu triển khai Chương trình GDPT 2018; nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục THCS; thực hiện hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau THCS. Duy trì, nâng cao tiêu chí trường học đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3 và trường chuẩn quốc gia mức độ 2, phổ cập giáo dục THCS mức độ 3.

- Tập trung phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý nhà trường bảo đảm chất lượng thực hiện CT GDPT 2018; chú trọng công tác hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ.

- Thực hiện hiệu quả việc quản lý giáo dục, quản trị nhà trường; bảo đảm dân chủ, kỷ cương, nền nếp, chất lượng và hiệu quả trong nhà trường; tổ chức tốt

các phong trào thi đua. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; bảo đảm an toàn trường học; chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch năm học. Đẩy mạnh công tác tư vấn, hướng dẫn, tự kiểm tra theo quy định.

- Triển khai thực hiện hiệu quả, thiết thực chuyển đổi số trong dạy học và quản lý giáo dục; tập trung thực hiện chuyển đổi số trong quản lý kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

b) Công khai điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (số lượng, trình độ đào tạo):

	TS	Trình độ chuyên môn						Hạng chức danh nghề nghiệp			
		ThS	ĐH	CĐ	TC	SC	CQĐT	I	II	III	IV
1. Ban giám hiệu	3	1	2						3		
Hiệu trưởng	1	1							1		
Phó hiệu trưởng	2		2						2		
2. GV giảng dạy	32		31	1					29	3	
Toán	6		6						5	1	
Lý (KHTN)	1		1						1		
Hóa (KHTN)	2		2						2		
Sinh (KHTN)	2		2						2		
Văn	5		5						5		
Sử	2		2						2		
Địa	2		2						2		
NN	3		3						3		
GDCD	1		1						1		
Thể dục (GDTC)	2		2						2		
Nhạc	1		1						1		
Mỹ Thuật	1		1							1	
Công nghệ	1		1						1		
Tin học	1			1						1 (V.07. 04.12)	
HĐTN, HN	1		1						1		
Giáo dục địa phương	1		1						1		
GV làm việc khác	0										
3. TPTĐTNTPHCM	1		1						1		
Chuyên trách	1		1						1		
4. Nhân viên	6		2		2		2				2
Tổng cộng	42	1	36	1	2		2		33	3	2

Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp: Tổng số CBQL, GV: 36 trong đó Tốt: $36/36 = 100\%$; Khá: 0; Hiệu trưởng: Tập thể nhà trường đánh giá : Tốt. Tổng số giáo viên và phó hiệu trưởng: 35 trong đó Tốt: $35/35 = 100\%$; Khá = 0.

Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định: Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: $36/36 = 100\%$ trong đó BGH: 03, GV: 33. 100% CBQL, GV, NV hoàn thành chương trình bồi dưỡng hàng năm.

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, phòng học, phòng chức năng:

Cơ sở vật chất	m ²	Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
DT khuôn viên	12.242				
Phòng học văn hóa	54,5	18	x		
Phòng học bộ môn ngoại ngữ	82,3	01	x		
Phòng bộ môn Âm nhạc	82,3	01	x		
Phòng bộ môn mỹ thuật	82,3	01	x		
Phòng bộ môn KHXH	82,3	01	x		
Phòng bộ môn KHTN	82,3	02	x		
Phòng bộ môn tin học	82,3	01	x		
Phòng bộ môn công nghệ	82,3	01	x		
Phòng truyền thống	73	01	x		
Phòng Văn phòng	23,4	01	x		
Phòng Kế toán	23,4	01	x		
Phòng Hiệu trưởng	23,4	01	x		
Phòng Lưu trữ	23,4	01	x		
Phòng thư viện (Giáo viên)	23,4	01	x		
Phòng kho 1	23,4	01	x		
Phòng thiết bị giáo dục	23,4	01	x		
Kho sách	23,4	01	x		
Phòng thư viện (học sinh)	48	01	x		
Phòng họp	73	01	x		
Phòng Phó hiệu trưởng	48	01	x		
Phòng tổ CM Toán - Tin	23,4	01	x		
Phòng tổ CM KHTN	23,4	01	x		
Phòng tổ CM NK - NN	23,4	01	x		
Phòng tổ CM KHXH	48	01	x		

Phòng Y Tế	23,4	01	x		
Phòng Đoàn Đội	48	01	x		
Nhà bảo vệ	23	01	x		
Nhà xe GV	115,4	01	x		
Nhà xe học sinh	511,2	04	x		
Nhà vệ sinh Giáo viên	23,5	01	x		
Nhà vệ sinh học sinh	47,2	02	x		
Tường rào hoa sắt	136,8 m	01	x		
Tường rào xây	170,6 m	01	x		
Tà luy đồi	1.602 m ²	01			
Sân khấu	90,73	01	x		
Sân trường	4.342,34	01	x		
Sân nhảy cao, nhảy xa	200	01	x		
Bàn ghế HS 2 chỗ ngồi	499	Bộ	x		
Máy tính Phục vụ học tập	35	Bộ	x		
Máy tính phục vụ quản lý	14	Bộ	x		
Máy chiếu đa năng	24	Bộ	x		
Hệ thống nước sạch	01		x		
Hệ thống PCCC	01		x		

3. Số thiết bị dạy học hiện có

- Số bộ thiết bị dạy học theo chương trình GDPT 2018:

Khối	Số lượng (Đơn vị tính: bộ)	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu
Khối 6	2	Đủ
Khối 7	2	Đủ
Khối 8	2	Đủ
Khối 9	2	Đủ

Bộ sách giáo khoa nhà trường đang sử dụng: Bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống của nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

- Các điều kiện phục vụ học tập, sinh hoạt của người học: Nhà trường có đủ cơ sở vật chất, thiết bị; hệ thống cấp nước sạch, hệ thống cấp điện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc, đường kết nối mạng internet

đảm bảo an toàn, đáp ứng nhu cầu dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh và các hoạt động sinh hoạt khác của nhà trường.

Nhà trường đã làm tốt công tác phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, cha mẹ học sinh tổ chức các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật về kiến thức, kỹ năng: an toàn giao thông; phòng, chống đuối nước; phòng, chống bạo lực học đường; phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong nhà trường, cộng đồng và trên môi trường mạng. Phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường, ứng phó với thảm họa, thiên tai; phòng, chống tai nạn thương tích, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn trong và ngoài nhà trường. Thực hiện nếp sống văn minh, an toàn, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

Phối hợp với Trạm y tế Tuần Giáo khám sức khỏe tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; tổ chức truyền thông, giáo dục cho học sinh về các biện pháp phòng chống dịch bệnh: Bệnh lý trực tràng, bị tay chân miệng; cúm mùa; phòng chống các dịch bệnh truyền nhiễm, bệnh tật học đường; phòng, chống tác hại của thuốc lá, tác hại của rượu, bia; vệ sinh an toàn thực phẩm cho học sinh tại trường học. Thực hiện công tác vệ sinh trường lớp, vệ sinh môi trường; vệ sinh cá nhân sạch sẽ nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm tự bảo vệ sức khỏe, phòng chống bệnh tật, phòng chống bạo lực học đường.

Tuyên truyền, phổ biến các chính sách pháp luật về chế độ học sinh, bảo hiểm y tế hiện hành cho học sinh, cha mẹ học sinh kịp thời.

- Phân công nhân viên bảo vệ trực trường 24/24h, đảm bảo an ninh, an toàn trật tự trong nhà trường.

c) Công khai tài chính

- Các khoản thu theo quy định; mức thu học phí, dịch vụ giáo dục:

Năm học 2024-2025: Thu dịch vụ vệ sinh: 43.435.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu bốn trăm ba mươi năm nghìn đồng); Thu học phí năm 2024: 118.825.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười tám triệu tám trăm hai mươi năm nghìn đồng).

Năm học 2025-2026: Thu dịch vụ vệ sinh (63.000 đồng/học sinh): 54.795.000 đồng, bằng chữ: Năm mươi bốn triệu bảy trăm chín mươi năm nghìn đồng.

Học phí 05 tháng đầu năm 2025: 70.275.000 đồng, bằng chữ: Bảy mươi triệu hai trăm bảy mươi năm nghìn đồng.

- Các khoản thu ngoài học phí; chính sách miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập:

Tổng số học sinh được thụ hưởng chế độ chính sách: 91 học sinh, trong đó: Chi phí học tập 04 tháng cuối năm 2025: 23 học sinh; Chế độ bán trú 04 tháng cuối năm 2025: 68 học sinh.

Xét bổ sung chế độ bán trú 05 tháng đầu năm 2025: 71 học sinh.

Tính đến 29/12/2025, nhà trường đã thanh toán 100% chế độ học sinh 04 tháng cuối năm 2025 qua tài khoản ngân hàng đến tài khoản của cha mẹ học sinh.

- Công khai quyết toán thu – chi theo năm học: Đã thực hiện công khai Quý I, II, III, IV năm 2025; 06 tháng đầu 2025, 06 tháng cuối năm 2025 (Tập biểu công khai tài chính năm 2025 kèm theo)

3. Nội dung công khai: Đối với cơ sở giáo dục phổ thông

- Quy mô trường, lớp, học sinh:

Năm học 2024-2025: Kết quả tuyển sinh lớp 5 vào học lớp 6 với tổng số học sinh là:

Chỉ tiêu giao		Thực hiện		Tỷ lệ %
Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	
5	185	5	205	110,8

Số học sinh toàn trường năm học 2024-2025

Khối	Số lớp		Số học sinh			Nữ	Dân tộc	HSLB
	KHG	Thực hiện	KHG	Thực hiện	Đạt %			
6	5	5	185	205	110,8	99	100	0
7	5	5	216	215	99,5	105	82	0
8	5	5	192	194	101,0	106	94	0
9	4	4	160	157	98,1	79	72	0
Tổng	19	19	753	771	102,4	389	348	0

Năm học 2025-2026: Kết quả tuyển sinh học sinh lớp 5 vào học lớp 6 với tổng số học sinh là:

Chỉ tiêu giao		Thực hiện		Tỷ lệ %
Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	
5	221	5	222	100,5

Số học sinh toàn trường học kì I năm học 2025-2026:

Khối	Số lớp		Số học sinh			Dân tộc	HSLB
	KHG	Thực hiện	KHG	Thực hiện	Đạt %		
6	5	5	221	222	100,5	115	0
7	5	5	205	204	99,5	102	0
8	5	5	213	220	103,3	88	0
9	5	5	194	196	101,0	94	0
Tổng	20	20	833	842	101,1	399	0

- Chương trình giáo dục, kế hoạch giáo dục nhà trường:

Ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành chương trình giáo dục kịp thời, linh hoạt; tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục, tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và khả năng học tập của học sinh đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch thời gian năm học 2025-2026: Kế hoạch số 02/KH-THCS ngày 20/8/2025, kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026; Quyết định số 01/QĐ-THCS ngày 16/8/2025 về việc thành lập các tổ xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2006; Quyết định số 03/QĐ-THCS ngày 27/8/2025 về việc thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng năm học 2025-2026; Kế hoạch số 05/KH-THCS ngày 28/8/2025 về tổ chức dạy 2 buổi/ngày.

Triển khai thực hiện nghiêm túc đổi mới sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học theo văn bản số 3535/BGDĐT-GDTrH ngày 27/5/2013; đổi mới sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, đổi mới đánh giá giờ dạy của giáo viên theo văn bản số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 của Bộ GD&ĐT; sinh hoạt chuyên môn dựa trên phân tích bài học.

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, học sinh giỏi, tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học phù hợp, khoa học; thường xuyên kiểm tra, nắm bắt tình hình thực tế để kịp thời tham mưu các giải pháp thực hiện nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên.

- Kết quả giáo dục, tỷ lệ lên lớp, tốt nghiệp, lưu ban, bỏ học:

Đánh giá kết quả, chất lượng 2 mặt giáo dục năm học 2024-2025:

LỚP	Tổng số HS	Rèn luyện								Học tập							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%
6	205	202	99,0	3	1,0					85	41,5	73	35,6	47	22,9		
7	215	211	98,0	4	2,0					106	49,3	80	37,2	29	13,5		
8	194	184	95,0	10	5,0					75	38,7	75	38,7	44	22,7		
9	157	155	99,0	2	1,0					58	36,9	69	43,9	30	19,1		
Tổng	771	752	98,0	19	2,0					324	42,0	297	38,5	150	19,5		

+ Tỷ lệ học sinh chuyển lớp: 614/614 = 100%

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp: 157/157 = 100%

Chất lượng đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch đề ra cũng như các tiêu chí của trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục và trường chuẩn quốc gia, trong đó tỷ lệ học sinh xếp loại học tập đối với khối 6,7,8,9: Tốt, Khá 70,5%. Không có học sinh bỏ học, lưu ban.

Năm học 2025-2026: Kết quả chất lượng giáo dục 2 mặt học kỳ 1, năm học 2025-2026:

Stt	Lớp	Tổng số hs	Học tập								Rèn luyện					
			Tốt		Khá		Đạt		CB		Tốt		Khá		Đạt	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	K6	222	81	36,5	85	38,3	56	25,2	0	0	216	97,3	6	2,7	0	0
2	K7	204	61	29,9	77	37,8	66	32,4	0	0	200	98	4	1,96	0	0
3	K8	220	52	23,6	96	43,6	72	32,7	0	0	205	93,2	15	6,82	0	0
4	K9	196	71	36,2	62	31,6	63	32,1	0	0	185	94,4	11	5,61	0	0
Tổng		842	265	31,5	320	38	257	30,5	0	0	806	95,7	36	4,28	0	0

4. Kiểm tra việc công khai Báo cáo thường niên

- Thực hiện báo cáo thường niên theo đúng mẫu và nội dung quy định.
- Thời điểm công khai Báo cáo thường niên:
 - + Công bố báo thường niên: 31/12 hàng năm.
 - + Công bố công khai các nội dung đối với các hoạt động giáo dục thực hiện trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.
 - + Đối với số liệu liên quan đến báo cáo tài chính: Công khai theo Quý, định kỳ 06 tháng, năm.
- Nội dung Báo cáo phản ánh trung thực tình hình tổ chức và hoạt động của nhà trường.
- Hình thức công khai Báo cáo thường niên: Trục tuyến và niêm yết tại bảng tin nhà trường.

5. Kiểm tra hình thức và thời hạn công khai thông tin

- a) Hình thức công khai
 - Công khai trên cổng/trang thông tin điện tử của nhà trường.
 - Niêm yết công khai tại trụ sở nhà trường theo quy định.
 - Công khai trong các cuộc họp, họp phụ huynh.
- b) Thời hạn công khai
 - Thông tin công khai trên trang thông tin điện tử được duy trì tối thiểu 05 năm kể từ ngày niêm yết theo khoản 2, Điều 15 của Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT.
 - Thông tin niêm yết công khai tại bảng tin nhà trường bảo đảm tối thiểu 90 ngày kể từ niêm yết.
- c) Khả năng tiếp cận thông tin
 - Thông tin dễ tìm, dễ đọc, dễ tải xuống.
 - Nội dung rõ ràng, không gây hiểu nhầm cho học sinh, cha mẹ học sinh và xã hội.

6. Kiểm tra việc thực hiện kiểm tra, giám sát nội bộ và tiếp nhận phản ánh

- Việc tổ chức tự kiểm tra nội bộ về công khai thông tin: Ban hành quyết định kiểm tra nội bộ về thực hiện công khai Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT.

- Hồ sơ tự kiểm tra: Lưu hồ sơ kiểm tra nội bộ.

Biên bản rà soát, khắc phục tồn tại: Không.

- Cơ chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến nội dung công khai: Không có phản ánh, kiến nghị.

7. Kiến nghị, đề xuất: Không.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT của trường THCS Tuần Giáo./.

Nơi nhận:

- Đoàn KT;
- Lưu: VT

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Thị Mai Hương